



Lenovo IdeaPad C340-14IML Intel® Core™ i5 i5-10210U Hybrid (2-trong-1) 35,6 cm (14") Màn hình cảm ứng Full HD 8 GB DDR4-SDRAM 256 GB SSD Wi-Fi 5 (802.11ac) Windows 10 Home Màu đen

Nhãn hiệu : Lenovo **Họ sản phẩm:** IdeaPad **Mã sản phẩm:** 81TK00BTPB
Tên mẫu : ideapad C340-14IML

Lenovo IdeaPad C340-14IML. Sản Phẩm: Hybrid (2-trong-1), Hệ số hình dạng: Có thể chuyển đổi được (Uốn gập). Họ bộ xử lý: Intel® Core™ i5, Model vi xử lý: i5-10210U, Tốc độ bộ xử lý: 1,6 GHz. Kích thước màn hình: 35,6 cm (14"), Kiểu HD: Full HD, Độ phân giải màn hình: 1920 x 1080 pixels, Màn hình cảm ứng. Bộ nhớ trong: 8 GB, Loại bộ nhớ trong: DDR4-SDRAM. Tổng dung lượng lưu trữ: 256 GB, Phương tiện lưu trữ: SSD. Hệ điều hành cài đặt sẵn: Windows 10 Home. Màu sắc sản phẩm: Màu đen



Thiết kế		hệ thống mạng	
Tên màu	Onyx Black	Kết nối mạng Ethernet / LAN	✗
Sản Phẩm *	Hybrid (2-trong-1)	Bluetooth	✓
Màu sắc sản phẩm *	Màu đen	Phiên bản Bluetooth	4.2
Hệ số hình dạng *	Có thể chuyển đổi được (Uốn gập)	Mạng Không dây Diện Rộng (WWAN)	Chưa cài đặt
Màn hình		Cổng giao tiếp	
Loại màn hình cảm ứng	Điện dung	Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-A *	2
Kích thước màn hình *	35,6 cm (14")	Số lượng cổng USB 3.2 Gen 1 (3.1 Gen 1) Type-C *	1
Độ phân giải màn hình *	1920 x 1080 pixels	Số lượng cổng HDMI *	1
Màn hình cảm ứng *	✓	Phiên bản HDMI	1.4b
Kiểu HD	Full HD	Cổng kết hợp tai nghe/mic	✓
Loại bảng điều khiển	TN	Chức năng Ngủ và Sạc USB	✓
Đèn LED phía sau	✓	Cổng Ngủ và Sạc USB	1
Tỉ lệ khung hình thực	16:9		
Bề mặt hiển thị	Phủ bóng		
Độ sáng màn hình	220 cd/m²		
Bộ xử lý		Bàn phím	
Hãng sản xuất bộ xử lý *	Intel	Thiết bị chỉ điểm	Chuột cảm ứng
Họ bộ xử lý *	Intel® Core™ i5	Bàn phím số *	✗
Thế hệ bộ xử lý	10th gen Intel® Core™ i5	Bàn phím có đèn nền	✗
Model vi xử lý *	i5-10210U		
Số lõi bộ xử lý	4		
Các luồng của bộ xử lý	8		
Tần số turbo tối đa	4,2 GHz		
Tốc độ bộ xử lý *	1,6 GHz		
Tốc độ bus hệ thống	4 GT/s		
Bộ nhớ cache của bộ xử lý	6 MB		
Đầu cắm bộ xử lý	BGA 1528		
Bộ xử lý quang khắc (lithography)	14 nm		
Các chế độ vận hành của bộ xử lý	64-bit		
Tên mã bộ vi xử lý	Comet Lake		
Công suất thoát nhiệt TDP	15 W		
Tần số configurable TDP-up	2,1 GHz		
Configurable TDP-up	25 W		
TDP-down có thể cấu hình	10 W		
Tần số TDP-down có thể cấu hình	0,8 GHz		
Tjunction	100 °C		
Số lượng tối đa đường PCI Express	16		
		Phần mềm	
		Cấu trúc hệ điều hành	64-bit
		Hệ điều hành cài đặt sẵn *	Windows 10 Home
		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
		Công nghệ Intel® My WiFi (Intel® MWT)	✓
		Công nghệ Bảo vệ Danh tính Intel® (Intel® IPT)	✓
		Công nghệ Siêu Phân luồng Intel® (Công nghệ Intel®)	✓
		Công nghệ Intel® Turbo Boost	2.0
		Công nghệ Enhanced Intel® SpeedStep	✓
		Công nghệ Intel® Clear Video HD (Intel® CVT HD)	✓
		Công nghệ Intel® Clear Video	✓
		Công nghệ Đồng bộ nhanh video của Intel®	✓

Bộ xử lý		Tính năng đặc biệt của bộ xử lý	
Phiên bản PCI Express	3.0	Công nghệ Intel Flex Memory Access	✓
Cấu hình PCI Express	1x4, 2x2, 1x2+2x1, 4x1	Hướng dẫn mới cho Intel® AES (Intel® AES-NI)	✓
Bộ nhớ		Công nghệ Thực thi tin cậy Intel®	✗
Bộ nhớ trong *	8 GB	VT-x của Intel với công nghệ Bảng Trang Mở rộng (EPT)	✓
Loại bộ nhớ trong	DDR4-SDRAM	Khóa An toàn Intel	✓
Tốc độ xung nhịp bộ nhớ	2666 MHz	Intel® TSX-NI	✗
Hệ số bộ nhớ tiêu chuẩn	On-board + SO-DIMM	Chương trình Nền tảng Hình ảnh Ổ định của Intel® (SIPP)	✗
Khe cắm bộ nhớ	1x SO-DIMM	Intel® OS Guard	✓
Bộ nhớ trong tối đa *	16 GB	Mở Rộng Bảo Vệ Phần Mềm Intel® (Intel®SGX)	✓
Dung lượng		Kiến trúc Intel® 64	✓
Tổng dung lượng lưu trữ *	256 GB	Tính năng bảo mật Execute Disable Bit	✓
Phương tiện lưu trữ *	SSD	Trạng thái Chờ	✓
Tổng dung lượng ở cứng SSD	256 GB	Công nghệ Theo dõi nhiệt	✓
Số lượng ổ SSD được trang bị	1	Kích cỡ đóng gói của vi xử lý	46 x 24 mm
Dung lượng ổ cứng thể rắn (SSD)	256 GB	Hỗ trợ tài liệu hướng dẫn	SSE4.1, SSE4.2, AVX 2.0
Loại ổ đĩa quang *	✗	Cấu hình bộ xử lý trung tâm (tối đa)	1
Đầu đọc thẻ được tích hợp	✓	Các tùy chọn nhúng sẵn có	✗
Thẻ nhớ tương thích	MMC, SD, SDHC, SDXC	Intel® Virtualization Technology for Directed I/O (VT-d)	✓
Đồ họa		Công nghệ Intel Virtualization (VT-x)	✓
Model card đồ họa rời *	Không có	ID ARK vi xử lý	195436
Card đồ họa on-board *	✓	Pin	
Nhà sản xuất bo mạch GPU	Intel	Công nghệ pin	Lithium Polymer (LiPo)
Card đồ họa rời *	✗	Công suất pin *	45 Wh
Model card đồ họa on-board *	Intel® UHD Graphics	Tuổi thọ pin (tối đa)	10,5 h
Tần số cơ bản card đồ họa on-board	300 MHz	Sạc nhanh	✓
Tần số động card đồ họa on-board (tối đa)	1100 MHz	Điện	
Bộ nhớ tối đa của card đồ họa on-board	32 GB	Công suất của bộ nguồn dòng điện xoay chiều	65 W
Số lượng các khối thực hiện lệnh	24	Giắc cắm đầu vào DC	✓
Phiên bản DirectX của card đồ họa on-board	12.0	Bảo mật	
Phiên bản OpenGL của card đồ họa on-board	4.5	Đầu đọc dấu vân tay	✗
ID card đồ họa on-board	0x9B41	Trusted Platform Module (TPM)	✓
Âm thanh		Mã pin bảo vệ	✓
Hệ thống âm thanh	Dolby Audio	Bảo vệ bằng mặt khẩu	HDD, Khởi động, Supervisor
Số lượng loa gắn liền	2	Chứng nhận	
Công suất loa	2 W	Các loại giấy chứng nhận phù hợp	RoHS
Micrô gắn kèm	✓	Chứng nhận	ErP lot3
Số lượng micrô	2	Tính bền vững	
Máy ảnh		Chứng chỉ bền vững	NGÔI SAO NĂNG LƯỢNG
Camera trước	✓	Trọng lượng & Kích thước	
Loại độ phân giải HD camera trước	HD	Chiều rộng	328 mm
Hệ thống mạng		Độ dày	229 mm
Tiêu chuẩn Wi-Fi *	Wi-Fi 5 (802.11ac)	Chiều cao	17,9 mm
Chuẩn Wi-Fi	802.11a, 802.11b, 802.11g, Wi-Fi 4 (802.11n), Wi-Fi 5 (802.11ac)	Trọng lượng *	1,65 kg
Kết nối mạng di động *	✗		
Loại ăngten	1x1		



0194632353686



194632353686

Catalog Object Cloud



Disclaimer. The information published here (the "Information") is based on sources that can be considered reliable, typically the manufacturer, but this Information is provided "AS IS" and without guarantee of correctness or completeness. The Information is only indicative and can be changed at any time without notification. No rights can be based on the Information. Suppliers or aggregators of this Information do not accept any liability with regard to the content of (web)pages and other documents, including its Information. The publisher of the Information can not be held liable for the content of 3rd party websites that are linking this Information or are linked to from this Information. You as the User of the Information are solely responsible for the choice and usage of this Information. You are not entitled to transfer, copy or otherwise multiply or distribute the Information. You are obliged to follow the directions of the copyright owner(s) with regard to the use of the Information. Exclusively Dutch law is applicable. With regard to price and stock data on the site, the publisher followed a number of starting points, which are not necessarily relevant for your private or business circumstances. Therefore, the price and stock data are only indicative and are subject to changes. You are personally responsible for the way you use and apply this information. As a user of the Information or sites or documents in which this Information is included, you will adhere to standard fair use including avoidance of spamming, ripping, intellectual-property violations, privacy violations, and any other illegal activity.